| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06 /2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-6-2019.
V/v Ly hôn.

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Đinh Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:*** Bà Đỗ Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Văn T - sinh năm 1978 (có mặt)

Cư trú tại: Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Chị Từ Thị Th, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện nay đang cư trú tại Malaysia. (Vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th chung sống với nhau từ năm 1993 và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, do không hiểu biết pháp luật nên anh và chị Th không đăng ký kết hôn. Anh T và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không ai ép buộc, lừa dối ai tại xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu anh và chị Th chung sống hòa

thuận, hạnh phúc, do hoàn cảnh khó khăn nên anh chị thống nhất cho chị Th đi xuất khẩu lao động để trang trải cuộc sống. Tháng 8 năm 2014 chị Th sang nước Malaysia làm việc. Thời gian đầu chị Th sang chị vẫn thường xuyên liên lạc và gửi tiền về cho gia đình. Nhưng từ tháng 10 năm 2016 thì chị Th không liên lạc về nhà và không gửi tiền cho anh nữa. Từ đó hai giữa anh và chị Th phát sinh mâu thuẫn. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của chị Th anh xác định chị Th không cho anh biết và cả gia đình nhà chị Th đều không biết nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị Th ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Đến nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị Th không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Th có 02 con chung, cháu lớn là Đặng Văn T1, sinh ngày 08/7/1996 và cháu nhỏ là Đặng Thị M, sinh ngày 14/12/2000. Hiện nay đang ở cùng anh tại Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Các con của anh và chị Th đã trưởng thành, không có con nào bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại Biên bản làm việc của Tòa án ngày 26/4/2019 (lần 1) Toà án đã yêu cầu Bà Đỗ Thị S - đại diện thân nhân (mẹ đẻ) của chị Từ Thị Th cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Th ở nước ngoài cho Tòa án nhưng bà S xác định chị Th hiện đang ở nước ngoài (Malaysia) và thỉnh thoảng có gọi điện về cho gia đình bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị Th để cung cấp cho Tòa án. Tại biên bản làm việc (lần 2) của Toà án, Bà S cũng vẫn xác định chị Th đang ở nước ngoài (Malaysia) bà không biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài của chị Th. Bà S trình bày: Sau khi nhận các văn bản của Toà án bà có thông tin cho chị Th biết về việc anh T chồng chị Th có đơn xin ly hôn với chị Th, chị Th có thông tin lại với bà và xác định chị và anh T không đăng ký kết hôn nhưng anh chị đã chung sống với nhau từ năm 1993, chị và anh T có mâu thuẫn trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh T. Nay anh T xin ly hôn chị cũng nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung, vợ chồng có 02 con như anh T đã trình bày là đúng. Hiện hai con đã trưởng thành, chị đang ở nước ngoài nên hai con vẫn đang sống cùng anh T. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đề nghị xem xét giải quyết.

Hiện chị Th đang ở nước ngoài, đã hết hợp đồng lao động, sống lưu vong không thể về nước để giải quyết vụ án được. Tại phiên tòa, anh Đặng Văn T cũng xác định: Thời hạn hợp đồng lao động làm việc tại Malaysia của chị Từ Thị T là 03 năm, đến nay chị Th đã hết hợp đồng lao động, anh không có thông tin gì, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị Th và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Văn T và chị Từ Thị Th. Về con chung: Đã trưởng thành; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại Công văn số 2002/PA01(XNC) ngày 05/4/2019 của Công an tỉnh Thái Nguyên về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam - Chị Từ Thị Th đã xuất cảnh qua cửa khẩu Nội Bài ngày 29/8/2014, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Đặng Văn T là người Việt Nam ở trong nước và bị đơn chị Từ Thị Th là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng anh T chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị Th ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị Th là bà S có đủ căn cứ xác định chị Th vẫn liên hệ với bà và gia đình bà nhưng bà không cung cấp địa chỉ của chị Th đang ở nước ngoài và chị Th cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Toà án. Toà án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà S cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của chị Th ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong vụ án này, theo thông tin từ thân nhân của chị Th hiện nay chị Th đã hết hợp đồng lao động và đang sống lưu vong tại nước Malaysia, bị đơn và thân nhân của bị đơn cố tình giấu địa chỉ của bị đơn, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định .

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa anh Đặng Văn T xác định anh và chị Từ Thị Th chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Đến nay tình cảm giữa

anh và chị Từ Thị Th không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Th được ly hôn.

Phía bị đơn chị Th mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, chị cũng xác định chị và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh T, về việc anh T xin ly hôn chị nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy: Anh Đặng Văn T và chị Từ Thị Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 quy định, thì việc anh Đặng Văn T và chị Từ Thị Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 mà không có đăng ký kết hôn đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Anh T và chị Từ Thị Th có 02 con chung là Đặng Văn T1, sinh ngày 08/7/1996 và Đặng Thị M, sinh ngày 14/12/2000. Hiện cả hai con đang ở cùng anh T tại Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hai con chung của anh T và chị Từ Thị Th đã trưởng thành và không có con nào bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T xác định không có, phía chị Th vắng mặt và không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[3] Án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

*Bởi các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1, Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Đặng Văn T và chị Từ Thị Th là vợ chồng .

2. Về con chung: Đều đã trưởng thành.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Án phí: Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp số 0008767 ngày 18/4/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Đặng Văn T báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Từ Thị Th vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết/.

**Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Hòa
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hồng Phương**